

TỈNH ỦY THANH HÓA
ỦY BAN KIỂM TRA

*

Số **189** - QĐ/UBKTTU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thanh Hóa, ngày **06** tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Luật thi đua khen thưởng;
- Căn cứ Quyết định số 747-QĐ/UBKTTW ngày 03/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của ngành Kiểm tra Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025;
- Xét đề nghị của Văn phòng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 102-QĐ/UBKTTU, ngày 20/10/2012 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Điều 3. Ủy ban kiểm tra các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các tổ chức, cá nhân thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M ỦY BAN KIỂM TRA

CHỦ NHIỆM

(Đã ký)

Lê Quang Hùng

ĐẢNG ỦY KHỐI CƠ QUAN & DN TỈNH

*

Số 102-SL/ĐUK

SAO LỤC

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 4 năm 2024

Nơi nhận:

- Các đảng ủy, chi bộ cơ sở;
- Các ban, đoàn thể của ĐUK;
- Các đồng chí chuyên viên các Ban ĐUK;
- Lưu VP.





QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY

(ban hành kèm theo Quyết định số **189**-QĐ/UBKTTU, ngày **06** /3/2024
của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; mục tiêu thi đua, khen thưởng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng, bao gồm: Nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn, số lượng, tỷ lệ khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự, thủ tục khen thưởng.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Tập thể: Ủy ban kiểm tra các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các phòng trực thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

2.2. Cá nhân: Cán bộ, công chức, người lao động, các tổ chức, cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở có thành tích nổi bật trong công tác, có nhiều đóng góp xây dựng ngành Kiểm tra Đảng.

3. Mục tiêu thi đua, khen thưởng

- Mục tiêu thi đua: Nhằm động viên, thu hút, khuyến khích các cán bộ, công chức và tập thể năng động, sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên.

- Mục tiêu khen thưởng: Nhằm khuyến khích, động viên các cá nhân cán bộ, công chức và tập thể hăng hái thi đua; ghi nhận công lao, thành tích xuất sắc của cá nhân, tập thể trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua

Tự nguyện, tự giác, công khai, dân chủ, đoàn kết, hợp tác, cùng phát triển nhằm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao của mỗi tập thể, cá nhân.

2. Nguyên tắc khen thưởng

- Khen thưởng phải căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và kết quả thực hiện phong trào thi đua; đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời, đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tập thể, cá nhân được khen thưởng phải thực sự tiêu biểu, xứng đáng là gương sáng cho tập thể, cá nhân khác noi theo.

- Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một tập thể, cá nhân đạt được những thành tích khác nhau. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

- Không xem xét khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể bị kỷ luật từ khiển trách trở lên và tập thể có cá nhân bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên trong kỳ phát động thi đua.

Điều 3. Căn cứ xét khen thưởng

- Thành tích đạt được.
- Tiêu chí khen thưởng.
- Điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Hình thức thi đua, khen thưởng

1. Hình thức thi đua

- *Thi đua theo nhiệm kỳ*: Là hình thức thi đua được tổ chức phát động căn cứ nghị quyết lãnh đạo của Đảng, nhiệm vụ chính trị được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy cùng cấp giao, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao trở lên trong nhiệm kỳ.

- *Thi đua theo năm hoặc theo đợt, chuyên đề*: Là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung, được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của ngành, cơ quan, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

2. Hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn, điều kiện

- Giấy khen của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.
- Số lượng, tỷ lệ:

+ Đối với tập thể: Không quá 30% tổng số ủy ban kiểm tra các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các phòng trực thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

+ Đối với cá nhân: Căn cứ thành tích của cán bộ kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tỉnh, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy quyết định số lượng cụ thể cho mỗi đợt khen thưởng. Đối với cấp tỉnh, cấp huyện không quá 20% tổng số cán bộ kiểm tra trong tập thể được đề nghị khen thưởng.

- Tiêu chuẩn: Căn cứ kết quả thực hiện các tiêu chuẩn thi đua, tình hình thực tế khi phát động phong trào thi đua, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có hướng dẫn tiêu chuẩn cụ thể.

Điều 5. Thủ tục, quy trình đề nghị khen thưởng

1. Ủy ban kiểm tra các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thi đua, khen thưởng về Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (qua phòng theo dõi địa bàn).

2. Các phòng theo dõi địa bàn có trách nhiệm thẩm định, đề nghị khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân (kể cả của phòng), gửi về Văn phòng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Hồ sơ của các đơn vị gửi về phòng theo dõi địa bàn gồm: (1) Tờ trình có xác nhận của cấp ủy cùng cấp (đối với tập thể) và cấp trên trực tiếp (đối với cá nhân); (2) Báo cáo thành tích đầy đủ; đối với tập thể kèm theo phụ lục tự chấm điểm ban hành kèm theo Quyết định này; (3) Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu của đơn vị; bản sao các quyết định khen thưởng (nếu có).

3. Văn phòng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có trách nhiệm tổng hợp đề nghị của các phòng, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Điều 6. Mức tiền thưởng và nguồn kinh phí

Các tập thể, cá nhân được Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy khen thì Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chi trả. Mức tiền thưởng và nguồn kinh phí thực hiện theo quy định.

Điều 7. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tổ chức vi phạm quy định về thi đua, khen thưởng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật.

2. Việc thu hồi quyết định khen thưởng được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Cá nhân, tập thể không trung thực trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng.

- Hiện vật khen thưởng bị sử dụng sai mục đích hoặc bị lợi dụng vào những việc vi phạm pháp luật.

- Cá nhân, tập thể được khen thưởng có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Đảng đến mức gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của cơ quan, đơn vị.

3. Cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng thì có thẩm quyền hủy bỏ, thu hồi quyết định khen thưởng đã được xét tặng.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý về công tác thi đua, khen thưởng; đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy là Chủ

tịch Hội đồng thi đua, khen thưởng, trực tiếp chỉ đạo, điều hành về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Các đơn vị chịu trách nhiệm trước Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Hội đồng thi đua, khen thưởng của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về đăng ký, tổ chức thực hiện nội dung thi đua, tự chấm điểm, tự chịu trách nhiệm về tính trung thực của báo cáo thành tích, kết quả bình xét hình thức khen thưởng; lưu trữ hồ sơ theo quy định.

3. Văn phòng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các phòng nghiệp vụ tham mưu cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Hội đồng thi đua, khen thưởng của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thực hiện kiểm tra, giám sát quy trình xét khen thưởng; sơ kết, tổng kết, nhân điển hình tiên tiến; chuẩn bị kinh phí, vật tư và tổ chức triển khai các quyết định về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, ủy ban kiểm tra các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy để xem xét, giải quyết.



PHỤ LỤC SỐ 01
TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM KHEN THƯỞNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số **189** -QĐ/UBKTTU, ngày **06**/02/2024
của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy)

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN		ĐƠN VỊ TỰ CHẤM		Ghi chú
		Điểm nội dung	Điểm bị trừ	Điểm nội dung	Điểm bị trừ	
I	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO ĐIỀU LỆ ĐẢNG QUY ĐỊNH	61	35.5			
1	Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát của Ủy ban kiểm tra	01				
	Bị trừ điểm nếu:					
	Chậm xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát của Ủy ban kiểm tra		0.5			
2	Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên	12				
	Bị trừ điểm nếu:		04			
a	Không chủ động kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm		02			
b	Thực hiện chưa đúng quy trình hoặc hồ sơ kiểm tra không đầy đủ		01			
c	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm (nếu có)		01			
3	Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng	06				
	Bị trừ điểm nếu:		04			
a	Đã phát hiện nhưng không chủ động kiểm tra kịp thời		02			
b	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN		ĐƠN VỊ TỰ CHẤM		Ghi chú
		Điểm nội dung	Điểm bị trừ	Điểm nội dung	Điểm bị trừ	
c	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm (nếu có)		01			
4	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật Đảng	09				
	Bị trừ điểm nếu:		04			
a	Không hoàn thành kế hoạch đề ra		02			
b	Thực hiện chưa đúng quy trình hoặc hồ sơ kiểm tra không đầy đủ		01			
c	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
5	Giám sát cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về thực hiện chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nghị quyết của cấp ủy và đạo đức lối sống, trách nhiệm nêu gương theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương	12				
	Bị trừ điểm nếu:		06			
a	Không hoàn thành chương trình giám sát đã đề ra		02			
b	Kết quả giám sát có dấu hiệu vi phạm nhưng không chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm		03			
c	Thực hiện giám sát chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
6	Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật	06				
	Bị trừ điểm nếu:		02			
a	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
b	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
7	Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên	06				
	Bị trừ điểm nếu:		06			

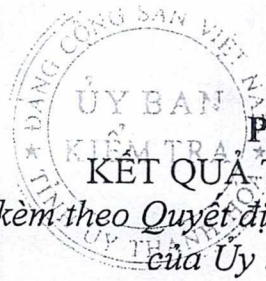
STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN		ĐƠN VỊ TỰ CHẤM		Ghi chú
		Điểm nội dung	Điểm bị trừ	Điểm nội dung	Điểm bị trừ	
a	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
b	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
c	Đề tồn đọng quá thời gian quy định		02			
d	Đề tái tổ, cấp trên phải xem xét, sửa kết luận		02			
8	Giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng thuộc thẩm quyền	06				
	Bị trừ điểm nếu:		05			
a	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
b	Đề tồn đọng quá thời gian quy định		02			
c	Giải quyết khiếu nại, cấp ủy phải xem xét, thay đổi hình thức kỷ luật		02			
9	Kiểm tra tài chính cấp ủy cùng cấp và cấp ủy cấp dưới trực tiếp	03				
	Bị trừ điểm nếu:		04			
a	Không hoàn thành kế hoạch đề ra		02			
b	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
c	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
II	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO CẤP ỦY GIAO	12	3,5			
1	Tham mưu xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát hàng năm của cấp ủy	01				
2	Giúp cấp ủy giám sát tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp và đảng viên do cấp ủy quản lý	05				
3	Giúp cấp ủy kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp và kiểm tra đảng viên do cấp ủy quản lý	06				
	Bị trừ điểm nếu:		3,5			
a	Chậm tham mưu xây dựng chương		0,5			

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN		ĐƠN VỊ TỰ CHẤM		Ghi chú
		Điểm nội dung	Điểm bị trừ	Điểm nội dung	Điểm bị trừ	
	trình công tác kiểm tra, giám sát hàng năm của cấp ủy					
b	Không hoàn thành kế hoạch đề ra		01			
c	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
d	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
III	CÔNG TÁC XÂY DỰNG CƠ QUAN	10	01			
1	Công tác kiện toàn tổ chức UBKT và Cơ quan UBKT	05				
2	Xây dựng chi bộ, đảng bộ và tổ chức đoàn thể cơ quan trong sạch, vững mạnh	03				
3	Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trung ương triệu tập đúng đối tượng, đủ số lượng	02				
	Bị trừ điểm nếu:		01			
	Không thực hiện được kế hoạch cử cán bộ đi học		01			
IV	THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO	05	04			
1	Báo cáo 06 tháng, báo cáo năm, báo cáo nhiệm kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo thi đua, báo cáo đột xuất (kể cả báo cáo thống kê)	03				
	Bị trừ điểm nếu:		02			
a	Không đảm bảo thời gian		01			
b	Không đảm bảo chất lượng		01			
c	Không nộp báo cáo 06 tháng, báo cáo năm thì không được xét thi đua					
2	Thực hiện tuyên truyền về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng theo quy định	01				
	Bị trừ điểm nếu:		01			
	Chậm thực hiện tuyên truyền về công		01			

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN		ĐƠN VỊ TỰ CHẤM		Ghi chú
		Điểm nội dung	Điểm bị trừ	Điểm nội dung	Điểm bị trừ	
	tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng theo quy định					
3	Thực hiện sơ kết, tổng kết các đề tài, đề án về nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương giao	01				
	Bị trừ điểm nếu:		01			
	Chậm thực hiện sơ kết, tổng kết các đề tài, đề án về nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương giao		01			
V	ĐIỂM THUỞNG	12				
1	Thực hiện đề án, đề tài khoa học	01				
2	Viết được tin, bài cho báo, Tạp chí Kiểm tra	01				
3	Kiểm tra cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp	02				
4	Kiểm tra được từ 15 đảng viên hoặc 5 tổ chức đảng cấp dưới trở lên khi có dấu hiệu vi phạm	02				
5	Kiểm tra được từ 05 cấp ủy viên cùng cấp trở lên khi có dấu hiệu vi phạm hoặc từ 04 tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp trở lên khi có dấu hiệu vi phạm	02				
6	Xác minh tài sản thu nhập đối với cán bộ, đảng viên	02				
7	Phối hợp mở lớp đào tạo - bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kiểm tra	01				
8	Thực hiện các ứng dụng về công nghệ thông tin vào công tác kiểm tra, giám sát	01				
	TỔNG CỘNG	100	44			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ghi rõ họ, tên, số điện thoại liên hệ)

....., ngày ... tháng năm 20..
T/M ỦY BAN KIỂM TRA
(ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC SỐ 2****KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **189**-QĐ/UBKTTU, ngày **06/3/2024**
của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu			Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ% so với Kế hoạch	
1	Số lượng ủy viên UBKT huyện, thị, thành ủy, đảng ủy					
2	Xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát của UBKT					
3	Kiểm tra đảng viên khi có DHVP					
	- Cấp ủy viên cùng cấp					
	- Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	- Đối tượng khác					
4	Kiểm tra tổ chức đảng khi có DHVP					
	- Trực tiếp					
	- Cấp dưới					
5	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra					
	- Trực tiếp					
	- Cấp dưới					
6	Kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng					
	- Trực tiếp					
	- Cấp dưới					
7	Giám sát					
	- Giám sát thường xuyên					
	- Giám sát chuyên đề					
	- Cấp ủy viên cùng cấp					
	- Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	- Đối tượng khác					

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu			Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ% so với Kế hoạch	
8	Thi hành kỷ luật					
	- Tổ chức					
	+ Trực tiếp					
	+ Cấp dưới					
	- Đảng viên					
	+ Cấp ủy viên cùng cấp					
	+ Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	+ Đối tượng khác					
	- UBKT xử lý					
	- Cấp ủy xử lý					
9	Giải quyết tố cáo					
	- Tổ chức đảng:					
	+ Trực tiếp					
	+ Cấp dưới					
	- Đảng viên					
	+ Cấp ủy viên cùng cấp					
	+ Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	- Đối tượng khác					
10	Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng					
	- Tổ chức đảng:					
	+ Trực tiếp					
	+ Cấp dưới					
	- Đảng viên					
	+ Cấp ủy viên cùng cấp					
	+ Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	+ Đối tượng khác					
11	Kiểm tra tài chính đảng					
	- Cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp					

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu			Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ% so với Kế hoạch	
	- Cấp ủy cấp dưới trực tiếp					
	- Cấp ủy cấp dưới cách 1, 2 cấp					
12	Tham mưu xây dựng chương trình công tác hàng năm của cấp ủy					
13	Thực hiện nhiệm vụ cấp ủy giao					
	- Giúp cấp ủy KT theo Điều 30 Điều lệ Đảng					
	+ Số tổ chức đảng					
	+ Số đảng viên					
	- Giúp cấp ủy giám sát					
	+ Số tổ chức đảng cấp dưới					
	+ Đảng viên					
	+ Cấp ủy cùng cấp					
	+ Cán bộ diện cấp ủy quản lý					
	+ Đối tượng khác					
14	Công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ					
	- Trực tiếp mở lớp (số lớp/ học viên)					
	- Phối hợp mở lớp (số lớp/ học viên)					
	Phối hợp với Trường chính trị tỉnh mở 1 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ					
15	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo					
	- Báo cáo chuyên đề					
	- Báo cáo tháng					
	- Báo cáo quý					
	- Báo cáo năm					
16	Thực hiện đề án, đề tài					
17	Viết tin bài đăng trên Tạp chí					

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu			Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ% so với Kế hoạch	
	kiểm tra					
18	Tự chấm điểm					

Ghi chú: Cán bộ nhập số liệu không tự ý sửa biểu. Những nội dung không có thông tin, để trống.

NGƯỜI LẬP BIỂU

...., ngày ... tháng năm 20..

T/M ỦY BAN KIỂM TRA

.....
(ký tên, đóng dấu)

Số điện thoại liên hệ:

PHỤ LỤC SỐ 3
PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM MỘT SỐ CHỈ TIÊU
(Ban hành kèm theo Quyết định số **189**-QĐ/UBKTTU, ngày **06/3/2024**
của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy)

1. Kiểm tra dấu hiệu vi phạm:

- Đảng viên (ít nhất 2 đảng viên) được 12 điểm, cụ thể: cấp ủy viên cùng cấp 12 điểm; cán bộ diện cấp ủy quản lý 10 điểm; cán bộ cấp dưới 8 điểm.

- Kiểm tra tổ chức đảng được 06 điểm, cụ thể: cấp dưới trực tiếp 06 điểm; cấp dưới cách 1 cấp 04 điểm; cấp dưới cách 2 cấp 03 điểm.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng: 09 điểm, cụ thể: cấp dưới trực tiếp 09 điểm; cấp dưới cách 1 cấp 06 điểm.

3. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên

3.1. Được điểm tối đa: 06 điểm (không có đơn tố cáo thuộc thẩm quyền của Ủy ban hoặc của cấp ủy cùng cấp đương nhiên đạt điểm tối đa)

3.2. Giải quyết đơn tố cáo đạt 95% đơn thư trở lên, cụ thể:

Tổ chức và đảng viên thuộc cấp ủy quản lý trực tiếp 06 điểm; tổ chức đảng và đảng viên cấp dưới 05 điểm.

3.3. Giải quyết đơn tố cáo đạt từ 70% đến 94% đơn thư, cụ thể:

Tổ chức và đảng viên thuộc cấp ủy quản lý trực tiếp 04 điểm; tổ chức đảng và đảng viên cấp dưới 03 điểm.

3.4. Giải quyết đơn tố cáo đạt từ 50% đến 69% đơn thư, cụ thể:

Tổ chức và đảng viên thuộc cấp ủy quản lý trực tiếp 03 điểm; tổ chức đảng và đảng viên cấp dưới 02 điểm.

3.5. Giải quyết đơn tố cáo đạt dưới 50% đơn thư, không được điểm.

4. Giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng

4.1. Không có đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền của Ủy ban và cấp ủy cùng cấp được điểm tối đa 06 điểm

4.2. Giải quyết đơn thư khiếu nại dứt điểm 95% số đơn thư, cụ thể: Giải quyết đơn thư của tổ chức trực tiếp và đảng viên thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý: 06 điểm.

5. Giải quyết đơn thư của tổ chức cấp dưới và đảng viên không thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý: 05 điểm.

6. Giúp cấp ủy thực hiện kiểm tra theo Điều 30 Điều lệ Đảng:

Cụ thể: Kiểm tra được 3 cuộc (ít nhất 2 tổ chức và 5 đảng viên) đạt 06 điểm; 2 cuộc (ít nhất 1 tổ chức và 3 đảng viên) được 04 điểm; 1 cuộc 02 điểm.

7. Giúp cấp ủy thực hiện giám sát theo điều 30 Điều lệ Đảng

Cụ thể: Kiểm tra được 3 cuộc (ít nhất 3 tổ chức và 7 đảng viên) 05 điểm; 2 cuộc (ít nhất 2 tổ chức và 5 đảng viên) được 04 điểm; 1 cuộc 02 điểm.

8. Kiện toàn ủy ban kiểm tra, cán bộ cơ quan ủy ban kiểm tra: 05 điểm.

Đủ số lượng Ủy viên ủy ban kiểm tra 01 điểm; đủ biên chế cán bộ, công chức, viên chức 02 điểm; (nếu thường trực đã đề nghị về biên chế nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê chuẩn được điểm tối đa); hoạt động hiệu quả 01 điểm; thực hiện chức năng chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời, hiệu quả 01 điểm.

9. Đào tạo bồi dưỡng: Cử đủ cán bộ đi học nghiệp vụ kiểm tra do trên triệu tập (hoặc cấp trên không triệu tập) được 02 điểm; không cử đủ số lượng cán bộ đi học được 01 điểm; không cử cán bộ đi học không được tính điểm (trừ trường hợp không có chỉ tiêu).